

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 62 /2023/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2023

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và quan hệ phối hợp của Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố các cấp

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống khủng bố ngày 12 tháng 6 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 quy định tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và quan hệ phối hợp của Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố các cấp.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và quan hệ phối hợp của Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố các cấp

1. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 5. Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức, chỉ đạo công tác phòng, chống khủng bố của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; có đơn vị tham mưu, giúp việc gọi là Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Thành phần Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gồm:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Trưởng ban;

b) Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Phó Trưởng ban thường trực;

c) Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội (đối với Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố thành phố Hà Nội), Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh (đối với Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố Thành phố Hồ Chí Minh), Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (đối với Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác), Phó Trưởng ban;

d) Phó Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phụ trách an ninh, Thành viên thường trực;

đ) Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng (nếu có), Thành viên;

e) Giám đốc Sở Ngoại vụ (nếu có), Thành viên;

g) Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thành viên;

h) Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thành viên;

i) Giám đốc Sở Y tế, Thành viên;

k) Giám đốc Sở Tài chính, Thành viên;

l) Giám đốc Sở Công Thương, Thành viên;

- m) Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thành viên;
- n) Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thành viên;
- o) Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thành viên;
- p) Trưởng đại diện Cảng vụ hàng không (nếu có), Thành viên;
- q) Giám đốc Cảng hàng không (nếu có), Thành viên;
- r) Đài trưởng Đài kiểm soát không lưu (nếu có), Thành viên;
- s) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tại nơi có cảng hàng không, sân bay và các công trình, trang bị, thiết bị hàng không dân dụng, Thành viên;
- t) Các thành viên khác có liên quan theo đề nghị của Trưởng ban Chỉ đạo.”

2. Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố bộ, ngành

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 3 Điều 13 Luật phòng, chống khủng bố.

2. Phối hợp với Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tham mưu, giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ tổ chức, chỉ đạo công tác phòng, chống khủng bố.

2a. Tham mưu, giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ tổ chức, chỉ đạo hoạt động phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của Nghị định số 81/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ giao.”

3. Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật phòng, chống khủng bố.

2. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo xử lý các vụ khủng bố xảy ra tại địa phương, trừ các vụ khủng bố thuộc trách nhiệm tham mưu chỉ đạo xử lý của Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố quốc gia, Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.

2a. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức, chỉ đạo hoạt động phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của Nghị định số 81/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2b. Giúp Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện nhiệm vụ chỉ huy, đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng ở nơi có cảng hàng không, sân bay và các công trình, trang bị, thiết bị hàng không dân dụng theo quy định của Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về an ninh hàng không.

3. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giao.”

4. Khoản 1a sau khoản 1 Điều 11 được bổ sung như sau:

“1a. Các thành viên Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố các cấp làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo và được sử dụng con dấu của cơ quan nơi công tác. Trường hợp Trưởng ban Chỉ đạo vắng mặt hoặc uỷ quyền, Phó Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.”

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2023.

2. Bộ trưởng Bộ Công an chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị định này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Phạm Minh Chính